PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: 1605 */QĐ-VPCNCL ngày*08*tháng 08 năm 2023*
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ *Organisation*

Tiếng Việt*/ in Vietnamese:* TRUNG TÂM CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VÙNG 2

Tiếng Anh*/ in English:* *NATIONAL AGRO-FORESTRY-FISHERIES QUALITY ASSURANCE DEPARTMENT BRANCH 2 (NAFIQAD Branch 2)*

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ *Accreditation Number:* **VICAS 017 - QMS**

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Location Covered by Accreditation*

Địa chỉ / *Address*:

167-175 Chương Dương, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
167-175 Chuong Duong, My An ward, Ngu Hanh Son district, Dannang city, Vietnam

Tel: +84 236 3836761/3953640 Tel: +84 236 3836761/3953640

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ *Accreditation Standards*

– ISO/IEC 17021-1; ISO/IEC 17021-3

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ *Scope of Accreditation*

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 cho các lĩnh vực như sau/ *Certification of quality management system according to ISO 9001: 2015 for the following scopes:*

Nhóm ngành ***Technical cluster***	**Mã IAF** ***IAF code***	**Phạm vi công nhận** ***Accreditation scope***	**Phạm vi cụ thể theo mã NACE, Rev.2** ***Detail scope according to NACE code, Rev.2***
Thực phẩm *Food*	1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản *Agriculture, forestry and fishing*	01: Trồng trọt, chăn nuôi, săn bắn và các dịch vụ có liên quan/ *Crop and animal production, hunting and related service activities* 02: Lâm nghiệp và khai thác gỗ/ *Forestry and logging* 03: Đánh cá và nuôi trồng thủy sản/ *Fishing and aquaculture*
	3	Thực phẩm, đồ uống, thuốc lá *Food products, beverages and tobacco*	10: Sản xuất thực phẩm/ *Manufacture of food products* 11: Sản xuất đồ uống/ *Manufacture of beverages* 12: Sản xuất thuốc lá/ *Manufacture of tobacco products*
Hóa chất *Chemicals*	12	Hóa chất, các sản phẩm hóa và sợi hóa học *Chemicals, chemical products and fibres*	20: Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa học/ *Manufacture of chemicals and chemical products*

Phụ lục này có hiệu lực tới ngày 17 tháng 11 năm 2026
This Accreditation Schedule is effective until 17 th November, 2026